

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/12/2025

"Về việc: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Kế

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983 "Vắng mặt"
HKTT: Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Đội q, thôn YL, xã VT, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Lương Thế V, sinh năm 1980 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Cháu Lương Ngọc D, sinh năm 2006 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn YX, xã NT, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Trần Thị Nhung, sinh năm 1955 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H kết hôn với anh Lương Thế V trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 01 năm, sau đó tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (nay là phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 02 tháng 12 năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H sống chung nhà với gia đình chồng, đồng thời chị H cũng chuyển hộ khẩu thường trú về gia đình chồng tại Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên. Thời gian này cả hai vợ chồng đều không có việc làm ổn định mà chỉ ở nhà phụ giúp bố mẹ chồng bán hàng ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh V ham chơi bởi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên đi uống rượu say về nhà chửi bới đánh đập chị, phá phách đồ đạc trong nhà, kinh tế gia đình khó khăn. Khi đó chị mới sinh con thứ hai được khoảng 3-4 tháng vì cháu còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng chăm chỉ làm việc để lo cho các con. Đầu năm 2009 chị đi làm nhân viên hợp đồng tại phòng khám Việt Pháp, thành phố Hưng Yên được khoảng 04 năm thì phòng khám chuyển lên xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ cũ, sáng chị đi làm, tối về nhà còn anh V thì không cải sửa tính nết vẫn ham chơi bởi cờ bạc, chửi bới đánh đập chị. Đến năm 2021 chị không làm ở phòng khám Việt Pháp nữa, chuyển sang làm nhân viên phòng khám tư nhân chuyên sản phụ khoa Thiên Kim ở tại Đội 3, thôn Yên Lịch, xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên, còn anh V đi làm lắp đặt quạt công nghiệp cho em gái. Đến cuối năm 2024 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 22/5/2006 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 07/02/2008. Cháu D đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đ hiện đang ở với anh V, để thuận tiện cho việc học tập của cháu học hết cấp 3 nên chị để anh V nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh V, mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng /1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng cấy: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Thế V không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nơi ở của anh V nhưng do anh V đi làm, không có mặt ở nhà nên không thể tiến hành lấy lời khai của anh V được và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn anh Lương Thế V vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí của UBTVQH. Để giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lương Thế V.

+ Về con chung: Giao cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 07/02/2008 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ mỗi tháng là 2.500.000 đồng/ tháng, cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Các bên được có quyền thăm nom các con chung và không ai có quyền cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung; công sức, ruộng cấy, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lương Thế V có địa chỉ: Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

Phiên tòa ngày 04/12/2025 nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Thế V vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh V.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lương Thế V kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 12 năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 năm 2005. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Theo chị H thì vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V ham chơi bởi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên đi uống rượu say về nhà chửi bới đánh đập chị, phá phách đồ đạc trong nhà, kinh tế gia đình khó khăn.

Về mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh V được bà Trần Thị Nhung - Mẹ đẻ anh V cung cấp: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn vào cuối năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình bà, chị H làm Y tá tại bệnh viện Việt Pháp, anh V đi lắp quạt điện thuê cho vợ chồng em gái. Cách đây vài năm chị H chuyển lên làm việc tại phòng khám ở Phố Nối, do chị H không nói chuyện gì nên bà không biết tên và địa chỉ cụ thể phòng khám chị H làm. Từ khi vợ chồng anh chị chung sống với gia đình bà, mặc dù sống cùng nhà nhưng gia đình bà cho anh chị ăn riêng, kinh tế độc lập, không liên quan đến gia đình bà. Trong thời gian anh chị chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn, bà không nhớ thời gian cụ thể xảy ra mâu thuẫn nhưng lúc đó các con của anh chị còn nhỏ. Nguyên nhân mâu thuẫn từ những chuyện nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, còn việc anh V có chơi bởi cờ bạc dẫn đến nợ nần hay không thì bà không biết do anh chị sáng đi làm, tối mới về nhà, kinh tế độc lập, cả hai anh chị không nói chuyện gì với bà. Thỉnh thoảng bà thấy hai anh chị có cãi nhau vì vợ chồng anh chị chỉ sinh hoạt buổi tối ở nhà và ở tầng ba, khi thấy hai vợ chồng to tiếng, gia đình bà lên để can ngăn thì vợ chồng lại bình thường. Gia đình bà đã khuyên bảo nhiều nhưng anh chị vẫn xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Cách đây vài tháng chị H đã không về nhà sống cùng anh V nữa, trước khi đi chị H không nói gì với gia đình bà nên gia đình bà không biết chị H ở đâu. Bà có hỏi con của anh chị thì cháu nói mẹ cháu ở phòng khám. Từ khi chị H đi đến nay chị H không về nhà bà lần nào, anh V không nói chuyện gì cho gia đình biết ý kiến của anh V về việc chị H xin ly hôn. Nay chị H xin ly hôn anh V, việc đó do anh chị tự quyết định, gia đình bà không có ý kiến gì (BL số 37, 38).

Bà Nguyễn Thị L - Mẹ đẻ chị H cung cấp: Chị Lê Thị H và anh Lương Thế V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2005. Sau khi kết hôn chị H chuyển hộ khẩu thường trú về gia đình chồng tại Đội 5 khu phố Kim Đằng, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V ham chơi bởi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên đi uống rượu say về nhà chửi bới đánh đập vợ con, phá phách đồ đạc trong nhà. Gia đình bà đã nhiều lần phân tích khuyên bảo anh V chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, thương yêu vợ con nhưng anh V không cải sửa tính nết. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng vì các con còn nhỏ nên chị H cố gắng chịu đựng chăm lo cho các con, xây dựng hạnh phúc gia đình. Đến cuối năm 2024 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh V quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, nếu anh chị có chung sống với nhau cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau (BL số 33).

Các cháu Lương Ngọc D và Lương Xuân Đ là con chị H, anh V cung cấp: Bố mẹ các cháu mâu thuẫn với nhau từ nhiều năm nay, nguyên nhân do bố thường xuyên chơi bời, cờ bạc, uống rượu say về nhà chửi bới, đập phá đồ đạc. Đến cuối năm 2024 thì bố mẹ mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Nay bố mẹ giải quyết ly hôn do tự bố mẹ quyết định các cháu không có ý kiến gì. Cháu D hiện tại đã đủ 18 tuổi, cháu không yêu cầu bố mẹ cháu phải cấp dưỡng nuôi cháu, còn cháu Đ có nguyện vọng được ở bố.

Qua xác minh, lãnh đạo khu phố Kim Đằng, phường Sơn Nam cung cấp: Anh Lương Thế V là con ông Lương Văn Chính và bà Trần Thị Nhung có hộ khẩu thường trú tại Đội x, khu phố KĐ, phường SN, tỉnh Hưng Yên, chị Lê Thị H là vợ anh Lương Thế V. Vợ chồng ông Chính, bà Nhung cùng các con là chị H, anh V chung sống cùng một nhà. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh V, chị H có mâu thuẫn nhưng do anh chị không đề nghị khu phố và các cấp chính quyền địa phương giải quyết về mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể. Hiện tại anh chị sống ly thân nhau, chị H cũng không sống cùng nhà với vợ chồng ông Chính, bà Nhung nữa.

Từ những căn cứ trên xác định sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V ham chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên đi uống rượu say về nhà chửi bới đánh đập vợ con, phá phách đồ đạc trong nhà. Gia đình đã nhiều lần phân tích khuyên bảo anh V chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, thương yêu vợ con nhưng anh V không sửa tính nết. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2024 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh V không đến tìm chị H. Mặt khác nhiều lần anh V không có mặt theo giấy triệu tập và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, điều này thể hiện anh V không thực sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh V đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc chị H xin ly hôn anh V là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh V có hai con chung là cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 22/5/2006 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 07/02/2008.

Đối với cháu Lương Ngọc D, chị H không yêu cầu giải quyết do cháu đã đủ 18 tuổi, bản thân cháu D cũng không yêu cầu bố mẹ phải cấp dưỡng nuôi cháu nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lương Xuân Đ, chị H có nguyện vọng giao cháu cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh V không đến Tòa án làm việc nên không xác định được nguyện vọng của anh V về con chung. Hiện tại cháu Đ đang ở cùng anh V, cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố nên để ổn định và thuận tiện cho việc học tập của cháu học hết cấp 3 nên sẽ giao cháu Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nhận đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đồng một tháng, thời hạn đóng góp từ tháng 11 năm 2025 đến khi cháu

Đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP thì mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn một nửa mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Anh V cư trú tại phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên, theo quy định tại Nghị định số 128/2025/NĐ-CP thì phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên là vùng 2 có mức lương tối thiểu là 4.410.000 đồng. Do vậy mức cấp dưỡng nuôi con chung chị H tự nguyện đóng góp là 2.500.000đ/1 tháng là phù hợp nên được ghi nhận.

Chị H không trực tiếp nuôi con chung chị được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng cấy: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do không lấy được lời khai của anh V nên không rõ được quan điểm của anh V về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng cấy. Do vậy không xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng cấy của vợ chồng. Nếu sau này chị H, anh V có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lương Thế V.

[2] Về con chung: Chị H, anh V có hai con chung là cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 22/5/2006 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 07/02/2008.

Đối với cháu Lương Ngọc D đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Lương Xuân Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với anh V, mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Lương Thế V và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày tuyên án, anh V có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị H không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, cộng bằng 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu BLTU/25E số: 0000584 ngày 14/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh;
 - VKSND Khu vực 1 - Hưng Yên;
 - THADS tỉnh Hưng Yên;
 - UBND phường SN
- (Đăng ký kết hôn số 87 ngày 02/12/2005);
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Toàn

Lương Văn Kế

Nguyễn Thị Lý